

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Bích L, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà K, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Phùng Thanh Y, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Bích L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích L và anh Phùng Thanh Y kết hôn vào năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B vào ngày 29/11/2016. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng nhau, anh Y ghen tuông với đồng nghiệp của chị L và cho rằng chị L không tôn trọng gia đình cha mẹ của anh Y, chị L có giải thích nhưng không được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vào tháng 10/2020 trong khi vợ chồng cự cãi thì anh Y có hành vi dùng dao đâm dọa đối với chị L và trong tháng 5/2021 anh chị tiếp tục cự cãi thì anh Y

có hành vi đánh chị L, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Chị L và anh Y không còn sống chung từ tháng 5/2021 đến nay. Từ khi sống xa nhau, anh chị không có hàn gắn tình cảm.

Nay chị Lê Thị Bích L nhận thấy không còn tình cảm với anh Y nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phùng Thanh Y.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phùng Thị Mỹ T, sinh ngày 20/12/2017. Hiện con chung đang sống với anh Y. Sau khi ly hôn, chị L đồng ý giao con chung cho anh Y được tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Mỹ T cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định của nhà nước, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Thanh Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Y không có văn bản ghi ý kiến về việc chị L yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Phùng Thanh Y có địa chỉ tại xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Y được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Y theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích L và anh Phùng Thanh Y là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/11/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 5/2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không tháo gỡ được. Tại phiên tòa, chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Y vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, anh Y không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh Y có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm tin tưởng nhau, anh Y có thái độ ghen tuông và cho rằng chị L không tôn trọng

cha mẹ, người lớn bên gia đình của anh Y, vợ chồng phát sinh cự cãi và có xảy ra tranh chấp, anh Y không kiểm soát được và có hành vi đánh chị L, từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm lại được, từ đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Y có một con chung tên Phùng Thị Mỹ T, sinh ngày 20/12/2017. Hiện nay, con chung đang sống với anh Y. Chị L đồng ý giao con chung cho anh Y tiếp tục nuôi dưỡng, anh Y không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Mỹ T từ khi anh chị không còn sống chung đến nay cháu sống với anh Y, hơn nữa cháu được chăm sóc tốt, khỏe mạnh. Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần giao con chung cho anh Y tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận anh Y được trực tiếp nuôi con chung Mỹ T là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Mỹ T cho đến khi thanh niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1/2 tháng lương cơ sở theo quy định của nhà nước, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị L.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, anh Y không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Bích L được ly hôn với anh Phùng Thanh Y.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Phùng Thị Mỹ T, sinh ngày 20/12/2017

cho anh Phùng Thanh Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Bích L, chị L thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung Phùng Thị Mỹ T cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là ½ tháng lương cơ sở theo quy định của nhà nước, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022.

Chị L và anh Y được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010074 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị L phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã L, huyện B, Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ